

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 02-10-2018 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-11-2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị BTH; địa chỉ: Số 30/25 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh BDS; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 30/25 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện đang đi chấp hành hình phạt tù tại Phân trại 02, Trại giam D thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20-9-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 01-10-2018, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn (chị BTH) và anh BDS xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C,

thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân chính do không còn tình cảm với nhau; tính cách và quan điểm sống ngày càng bất đồng. Đến năm 2016 anh BDS bị bắt và xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh BDS đang đi chấp hành hình phạt tù tại Phân trại 02, Trại giam D thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Huyện F, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ chị BTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho chị được ly hôn anh BDS để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Chị BTH và anh BDS có 01 con chung là G, sinh ngày 02-9-2011. Hiện đang do chị BTH nuôi dưỡng. Ly hôn chị BTH có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị BTH xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 - 10 - 2018, bị đơn anh BDS trình bày:

Anh BDS và chị BTH kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên vào năm 2016 anh BDS bị bắt và xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh BDS đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam D thuộc Bộ Công an. Vì vậy, anh không có điều kiện quan tâm đến vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị BTH yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh; anh BDS đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị BTH được ly hôn.

Về con chung: Anh BDS xác nhận hai bên có 01 con chung là G, sinh ngày 02-9-2011. Hiện nay đang sống cùng chị BTH. Do anh BDS đang chấp hành hình phạt tù nên anh BDS đồng ý giao con chung cho chị BTH nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và anh không đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh BDS trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có Bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị BTH được ly hôn với anh BDS; Giao con chung là G, sinh ngày 02-9-2011 cho chị BTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị BTH đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh BDS có ý kiến không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị BTH phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị BTH và bị đơn anh BDS vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh BDS không có yêu cầu phản tố; chị BTH và anh BDS đều đã có bản tự khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị BTH và anh BDS được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn:

Chị BTH và anh BDS đều xác nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng cũng như việc anh BDS vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù liên quan đến ma túy đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau, từ đó dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị BTH yêu cầu được ly hôn với anh BDS là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung:

Chị BTH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là G, sinh ngày 02-9-2011 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh BDS đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy việc để chị BTH trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của hai bên và của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh BDS có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh BDS lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị BTH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh BDS theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị BTH và anh BDS đều tự nguyện xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên chứng minh được có tài sản chung mà tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị BTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007948 ngày 01-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị BTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị BTH và anh BDS được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung G, sinh ngày 02-9-2011 cho chị BTH nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị BTH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh BDS nếu anh BDS lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị BTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007948 ngày 01-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị BTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. B, Q. C, HP
(GCNKH số 53 ngày 03-10-2011);
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng